

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 309/2025/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 306/2025/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông: Phạm Văn D, Sinh năm: 1999.

Địa chỉ: 3, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà: Nguyễn Thị Yến N, Sinh năm: 2002.

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Yến N cùng nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông D và bà N thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 19 tháng 3 năm 2025. Ông D hiện đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai; bà N có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu, ông bà có văn bản chọn Tòa án nhân dân thành

phố Biên Hòa giải quyết yêu cầu; ông D và bà N đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông D và bà N được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Yến N tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn năm 2022 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 84, tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Ông D và bà N có một người con chung là cháu Phạm Thiên Â, sinh ngày 21/9/2022. Sau khi ly hôn ông D và bà N thỏa thuận giao con chung là con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông D và bà N thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông D và bà N xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, ông D và bà N thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông bà đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông D và bà N.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Yến N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thiên Â, sinh ngày 21/9/2022 cho ông Phạm Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời bà Nguyễn Thị Yến N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà N vẫn phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung. Bà N có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Yên N mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005876 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Ông D và bà N đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thành Thị Thu Trang